

PHỤ LỤC 3

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ MGAR

Kèm theo nghị quyết số 34/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của HĐND tỉnh

ĐVT:đồng/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
I	Thị trấn Quảng Phú					
1	Tỉnh lộ 8	Ranh giới Quảng Tiến	Ngã 4 Đi Ea M'nam Km 9 +525 Ngã 4 đi Quảng Hiệp	1,500,000		2,500,000
2	Tỉnh lộ 8	Ngã 4 đi Ea M'nam Km 9 +525 Ngã 4 đi Quảng Hiệp		2,000,000		3,000,000
3	Tỉnh lộ 8	Ranh Giới	Tổ dân phố 7 và 8	1,500,000		2,500,000
4	Tỉnh lộ 8	Ranh giới Tổ dân phố 7 và TD phố 8	Ranh giới xã Ea Kpam	600,000		700,000
5	Đường Quảng Phú -Ea M'nam	Tỉnh lộ 8	Đến Nghĩa địa	600,000		800,000
6	Tổ dân phố 1 (Trừ KV đã có)	Tỉnh lộ 8	Đường ngang thứ 2	300,000	300,000	
		Khu dân cư còn lại		200,000	200,000	
7	Đường Vành Đai	Đầu đường hướng Nam	Ranh giới Tổ dân phố 7 và 8	600,000		700,000
8	Các tổ dân phố 3,4,7	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Đường Vành Đai	600,000		700,000
		Phía Tây đường ngang thứ nhất		200,000		250,000
		Phía Đông đường ngang thứ nhất		100,000		150,000
9	Tổ dân phố 6 (Trừ KV đã có)			200,000		300,000
10	Tổ dân phố 5 (Trừ KV đã có)			200,000		250,000
11	Tổ dân phố 8 (Trừ KV đã có)			100,000		150,000
12	Đường Quảng Phú - Q . Hiệp	Tỉnh lộ 8	Đường số 4	800,000		1,000,000
		Đường số 4	Nghĩa địa đồng bào dân tộc	0		700,000
13	Tổ dân phố 2 (Khu chợ)					
	Đường 1	Tỉnh lộ 8	Vào đường 4	2,000,000		4,000,000
	Đường 2	Tỉnh lộ 8	Vào đường 4	2,000,000		4,000,000
	Đường 3	Tỉnh lộ 8	Vào đường 4	2,000,000		4,000,000
	Đường 4	Đường 12	Đến đường 1	500,000		700,000
		Đến đường 1	Đường 11(Bắc Bệnh viện)	0		2,000,000
		Đường 11(Bắc Bệnh viện)	Đường đi Quảng Hiệp	1,000,000		2,000,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
	Đường 5	Đường đi Ea M' nang	Đến đường 1	1,000,000		2,000,000
		Đường 1	Đường 3	2,000,000		4,000,000
		Đường 3	Đường đi Quảng Hiệp	1,000,000		3,000,000
	Đường 6	Đường 1	Đường đi Quảng Hiệp	1,000,000		2,000,000
	Đường 7	Đường 5	Đường 6	1,000,000		2,000,000
	Đường 8	Tỉnh lộ 8	Đường 6	600,000		2,000,000
	Đường 9	Tỉnh lộ 8	Đường 6	1,000,000		2,000,000
	Đường 10	Tỉnh lộ 8	Đường 5	1,000,000		2,000,000
	Đường 11(Bắc Bệnh viện)	Tỉnh lộ 8	Đường 4	600,000		2,000,000
	Đường 12	Đường 4	Đường 5	600,000		2,000,000
	Khu vực trong chợ	Bao gồm chợ A và chợ B		1,500,000		2,000,000
	Khu vực còn lại của khu vực chợ			0		1,000,000
14	Khu dân cư còn lại			0		100,000
II	Thị trấn EaPôk					
1	Tỉnh lộ 8	Ranh giới Cư Suê	Ngã 3 đi Buôn Pôk	300,000		500,000
		Ngã 3 đi Buôn Pôk	Cầu Thôn 1	800,000		1,000,000
		Cầu Thôn 1	Ngã 3 đi Buôn Mập	800,000		1,200,000
		Ngã 3 đi Buôn Mập	Ranh giới Quảng Tiến	400,000		500,000
2	Đường Vào Buôn Pôk A	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 300 m			250,000
		Từ 300 m	Buôn Pôk A			150,000
3	Đường Vào Buôn Mập	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 300 m	200,000	200,000	
		Vào sâu 300 m	Hết buôn Mập	100,000	100,000	
		Hết buôn Mập	Đường vào Buôn Sút	80,000	80,000	
4	Đường ngang Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu <= 100 m	200,000		300,000
5	Khu dân cư còn lại Buôn Mập , An Bình, thôn 4 , thôn 5,Buôn Pôk A			30,000		50,000
6	Khu dân cư Buôn Pôk B , Buôn Lang Buôn Sút			30,000	30,000	
7	Khu dân cư còn lại			60,000		80,000
8	Khu vực chợ	Các lô đất quay mặt vào chợ		500,000		600,000
		Khu vực còn lại		150,000		400,000
III	Xã Quảng Tiến					
1	Tỉnh lộ 8	Ranh giới Ea Pôk	Cầu EaTun	400,000		500,000
		Cầu EaTun	Ranh giới Quảng Phú	1,200,000		2,000,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
2	Đường đi Ea Rong	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Km 1+ 00	200,000		250,000
3	Các đường ngang phía Tây	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào 350 m	150,000		200,000
4	Các đường ngang phía Đông	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào 1 Km	150,000		200,000
	Khu vực còn lại (Mục 3,4)			80,000		100,000
5	Đường ngang thôn Tiến Thành	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Hướng tây 400 m	150,000	150,000	
	Khu dân cư còn lại thôn Tiến Thành			80,000	80,000	
IV	Xã Cư Suê					
1	Tỉnh lộ 8	Giáp ranh phường tân lợi	Hết vườn nhà ông Y Đức	800,000		1,000,000
		Hết vườn nhà ông Y Đức	Ngã 3 đi thôn Bình An	500,000		600,000
		Ngã 3 đi thôn Bình An	Giáp ranh EaPôk	300,000		500,000
2	Đường nhánh Tỉnh lộ 8 >= 6 m	Tỉnh lộ 8 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m	100,000		200,000
3	Đường Liên Xã	Trung Tâm Xã	Các phía + 300 m	50,000		100,000
4	Khu dân cư còn lại			20,000		30,000
V	Xã EaM' nang					
1	Đường Liên Xã	Cầu Cư Suê	Ranh giới Xã Ea Ba (huyện Buôn Đôn)	0		100,000
2	Trung Tâm Xã (UBND xã)	Các phía + 1 Km		70,000		100,000
3	Khu dân cư 1a,1b,2a,2b,3			20,000		30,000
4	Khu dân cư còn lại			20,000	20,000	
VI	Xã EaDrong					
1	Quốc lộ 14	Ranh giới Cuôr Đăng	Giáp ranh huyện Krông Búk	300,000		400,000
2	Đường liên Xã	Ranh giới Cuôr Đăng	Nhà máy chế biến mủ	200,000		300,000
		Khu dân cư còn lại (Mục 2)		0		50,000
		Nhà máy chế biến mủ	Ranh giới Quảng Tiến	50,000	50,000	
3	Đường ngang Quốc lộ 14 (Phú Xuân)	Quốc lộ 14 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m (Trừ khu vực đã có)	0		150,000
	(Nhánh rẽ vào khu dân cư NT Phú Xuân)					
		Khu vực còn lại		20,000		50,000
4	Khu dân cư còn lại (Buôn Tar ,Buôn Hô,Buôn Kroa, Buôn Jong, Buôn Gram)			20,000	20,000	
VII	Xã Cuôr Đăng					
1	Quốc Lộ 14	Ranh giới TP BMT	Ranh giới TP BMT + 1 Km	500,000		700,000
		Ranh giới TP BMT + 1 Km	Ngã 3 đi Ea Drong - 300 m	350,000		600,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
2	Đường liên Xã	Ngã 3 đi Ea Drong - 300 m	Ngã 3 đi Ea Drong + 300 m	0		1,500,000
		Ngã 3 đi Ea Rong	Ranh giới xã Ea Drong	250,000		500,000
		Khu Dân cư còn lại (Mục 2)		0		80,000
3	Đường ngang Quốc lộ 14	Ngã 3 đi Ea Rong	Công ty Cà phê Thăng Lợi	50,000		80,000
		Quốc lộ 14 (Trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m	0		100,000
		Khu dân cư còn lại (Mục 3)		20,000		30,000
4	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		200,000		500,000
5	Khu dân cư còn lại			20,000		30,000
VIII	Xã Cư M'gar					
1	Đường liên Xã	Giáp TT Quảng Phú	Nhà Làng nghề truyền thống	250,000		600,000
		Nhà Làng nghề truyền thống	Trường Học AmaTrang Long	250,000		300,000
		Trường Học AmaTrang Long	Cầu số 1	250,000	250,000	
		Cầu I	Cây Xăng dầu Tân Thanh	100,000		150,000
		Cây Xăng dầu Tân Thanh	Cầu số 2	100,000	100,000	
		Cầu số 2	Cổng Văn hóa thôn 2	100,000	100,000	
		Cổng Văn hóa thôn 2	Cổng Văn hóa thôn 5	100,000		150,000
		Cổng Văn hóa thôn 5	Giáp ranh Xã Quảng Hiệp	100,000	100,000	100,000
2	Khu dân cư còn lại			20,000		30,000
IX	Xã Quảng Hiệp					
1	Đường liên Xã	UBND xã	Đường đi Quảng Phú + 200 m	200,000		400,000
		Đường đi Quảng Phú + 200 m	Đường đi Quảng Phú + 1000 m	50,000		150,000
		Đường đi Quảng Phú + 1000 m	Giáp xã Cư M'gar	200,000		100,000
		UBND xã	Đường đi EaMróh +300 m	0		400,000
		Đường đi Ea Mróh +300 m	Giáp Xã Ea Mróh + 1200 m	0		100,000
		Giáp Xã Ea Mróh + 1200 m	Giáp Ea Mróh	0		50,000
		UBND xã	Đường đi Ea Kiệt + 200 m	0		400,000
		Đường đi Ea Kiệt + 200 m	Đường đi Ea Kiệt + 1000 m	0		150,000
		Đường đi Ea Kiệt + 1000 m	Giáp Ea Kiệt	0		50,000
2	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		150,000		300,000
		Khu vực còn lại		0		200,000
3	Khu dân cư còn lại			20,000		30,000
X	Xã Ea MDróh					

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
1	Đường liên Xã	UBND xã	Các phía + 300 m	30,000		150,000
		Các phía + 300 m	Giáp ranh Quảng Hiệp	20,000		50,000
2	Khu dân cư còn lại			20,000	20,000	
XI	Xã EaKiết					
2	Đường liên Xã	UBND xã	Các Phía +300 m	150,000		300,000
		UBND xã+ 300 m	Giáp ranh Ea H'Ding	40,000		100,000
		UBND xã+ 300 m	Giáp ranh Ea Kuểh	40,000		50,000
2	Đường liên thôn	Ngã 4 Chợ Ea Kiết	Lâm trường Buôn Ja Wăm	0		100,000
3	Khu dân cư còn lại			20,000	20,000	
4	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		0		400,000
		Mặt tiền đường liên Xã (Khu vực chợ)		0		800,000
XII	Xã EaTar					
1	Đường Liên xã	Trụ sở Bưu điện Xã	Cầu EaTar	150,000		300,000
		Trụ sở Bưu điện Xã	Giáp ranh Ea H'Ding	150,000		200,000
		Cầu Ea Tar	Giáp ranh Ea Kuểh	30,000	30,000	
2	Khu dân cư Thôn 1,2,3,4,5			20,000		30,000
3	Khu dân cư còn lại			20,000	20,000	
XIII	Xã Ea H'Ding					
1	Đường Liên Xã	Giáp ranh Ea Kpam	Cầu Ea H'Ding	0		50,000
		Cầu Ea H'Ding	TT cụm xã (Buôn Ea Sang -300 m)	100,000		200,000
		TT cụm xã (Buôn Ea Sang)+300 m	Giáp ranh Xã Ea Kiết	0		100,000
		TT cụm xã (Buôn Ea Sang)+300 m	Giáp ranh Xã EaTar	100,000		200,000
2	Trung tâm cụm Xã	Các phía + 300m		200,000		500,000
3	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		100,000		300,000
		Khu vực còn lại		0		100,000
4	Khu dân cư thôn 1 (Trừ Khu vực đã có)			0		50,000
4	Khu dân cư còn lại			20,000	20,000	
XIV	Xã EaKpam					
1	Tỉnh Lộ 8	Ranh giới Quảng Phú	Ngã 4 Chợ 1/5	500,000		700,000
		Ngã 4 Chợ 1/5	Công ty Cao su Cư M'gar	600,000		1,000,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	Đoạn đường		Giá ban hành năm 2007	Giá công bố 01/01/2008	
		Từ	Đến		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung
2	Đường Liên Xã	Công ty Cao su Cư M'gar	Giáp ranh Ea Tun	100,000	100,000	
		Ngã 3 Ea Tun	Giáp ranh Ea H' Đing	100,000	100,000	
		Ngã 3 Ea Tun		40,000		50,000
3	Đường Vào Buôn Jong	Tỉnh lộ 8	Vào 1,5 Km	0		100,000
		Vào 1,5 Km	Hết đường nhựa buôn Joong	0		70,000
4	Đường Ngang Thôn 1,2,8, Tân Lập	Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8 + 500 m	40,000		100,000
		Tỉnh lộ 8 + 500 m	Tỉnh lộ 8 + 1000 m	40,000		80,000
		Các lô đất trong khu vực chợ		200,000		300,000
5	Khu chợ			200,000		300,000
6	Khu dân Cư còn lại			20,000		40,000
XV	Xã EaTun					
1	Đường Liên Xã	Giáp xã Ea Kpam	Giáp xã Cư Đliê M'nông	100,000	100,000	
		Ngã 3 Nông trường Ea Tun	Giáp Krông Búk	30,000		50,000
		Các lô đất mặt tiền		100,000		300,000
2	Khu chợ	Các lô đất trong chợ		100,000		200,000
				20,000	20,000	
3	Khu Dân Cư còn lại			20,000	20,000	
XVI	Xã Cư Đliê M'nông					
1	Đường Liên Xã	Giáp xã Ea Tun	Ngã 3 vào UBND xã	100,000		150,000
		Ngã 3 vào UBND xã	Giáp Ea Ngai (Krông búk)	150,000	150,000	
		Trụ sở UBND xã	Các phía + 500 m	150,000		150,000
2	Đường liên Xã	Các phía + 500 m	Ngã 3 Buôn Rah	0		80,000
				20,000		40,000
3	Khu dân cư Thôn 1,2,3,4,5,8, Tân thành			20,000		40,000
4	Khu dân cư còn lại			20,000	20,000	
XVII	Xã EaKuêh					
1	Đường Liên Xã	Giáp xã Ea Kiết	Vào Hồ Buôn Wìng	0		40,000
		Trụ sở UBND	Các phía + 300m	0		50,000
2	Khu dân cư còn lại			0		20,000